

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTG ngày tháng năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)

Tên chương trình: CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP

Tên ngành đào tạo : QUẢN TRỊ KINH DOANH Mã số: 52340101

Tên chuyên ngành : QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP Mã số: 5234010101

Trình độ đào tạo : Đại học

Hình thức đào tạo : Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo người học có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên môn vững chắc; kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo; khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội; thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình này, người tốt nghiệp đạt được:

1.2.1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về công việc quản trị như ra quyết định và thực thi các chức năng quản trị; hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp; chiến lược marketing; quản trị chất lượng, tài chính, nhân lực, sản xuất;
- Kiến thức liên quan đến các lĩnh vực quản trị kinh doanh quốc tế, ngoại thương, thương mại điện tử, bán hàng, quản trị văn phòng hay quản trị hệ thống thông tin;
- Kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm và các mô hình tiên tiến trên thế giới về quản trị kinh doanh;
- Kiến thức bổ trợ có liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh.

1.2.2. Kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp

- *Kỹ năng cứng:*
 - + Vận dụng có sáng tạo các mô hình và phương pháp quản trị tiên tiến;
 - + Phân tích môi trường, hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh;
 - + Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án, hệ thống quản lý chất lượng, thương hiệu, chương trình marketing,...;
 - + Tạo lập doanh nghiệp mới;
 - + Tổ chức, điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh.
- *Kỹ năng mềm:*
 - + Chẩn đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chức năng quản trị một cách khoa học;
 - + Đàm phán kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước;
 - + Tổ chức, điều hành và làm việc nhóm,

** Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp*

- Có thể đảm nhiệm các vị trí quản lý hoặc chuyên viên tại các bộ phận: nhân sự, marketing, R&D, kế hoạch, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu, PR, dự án ... của các doanh nghiệp trong nhiều ngành kinh doanh khác nhau;
- Có khả năng tự thành lập và điều hành doanh nghiệp;
- Có khả năng giảng dạy chuyên ngành Quản trị kinh doanh trong các trường cao đẳng và trung cấp.

** Về khả năng học tập, nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp*

Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và học lên các chương trình đào tạo sau đại học.

1.2.3. Phẩm chất đạo đức, thái độ nghề nghiệp

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh, lương tâm nghề nghiệp;
- Có lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp;
- Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức đáp ứng nhu cầu đổi mới.

2. Thời gian đào tạo theo thiết kế: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình : **173**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **134**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT hay tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo và công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

6. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

7. Nội dung chương trình

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+
		LT	TH1	TH2	TT	ĐA	TS	TLTT	
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							10	10	
00012	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	22	8				2	2	
00113	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	32	13				3	3	00012+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20	10				2	2	00013+
03013	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	29	16				3	3	03212+

7.1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							8	6	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
15362	Kỹ năng giao tiếp	20	10				2	2	
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
65012	Lịch sử các học thuyết kinh tế	30					2	2	
15302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	15	15				2		
7.1.3. Ngoại ngữ							28	14	
Chọn 1 trong 2 nhóm học phần (mỗi nhóm 14 TC)									
Nhóm 1									
07943	English 1	45					3	14	
07953	English 2	45					3		07943
07984	English 3	60					4		07953
07994	English 4	60					4		07984
Nhóm 2									
07093	Tiếng Hàn 1	45					3	14	
07103	Tiếng Hàn 2	45					3		07093
07114	Tiếng Hàn 3	60					4		07103
07124	Tiếng Hàn 4	60					4		07114
7.1.4. Toán - Tin học – Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường							15	15	
08123D	Toán cao cấp C1	45					3	3	
08132D	Toán cao cấp C2	30					2	2	
08733D	Xác suất - Thống kê A	45					3	3	08123D+
08802D	Quy hoạch tuyến tính	30					2	2	08132D+
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3	3	
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
7.1.5. Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng (*)									
7.1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12421	Võ Vovinam 1			30			1		12371+
12761	Võ Teakwondo 1			30			1		12371+
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12471	Võ Vovinam 2			30			1		12421+
12771	Võ Taekwondo 2			30			1		12761+
7.1.5.2. Giáo dục quốc phòng							8	8	
12923	Giáo dục Quốc phòng I B	45					3	3	

12932	Giáo dục Quốc phòng II B	30					2	2	
12943	Giáo dục Quốc phòng III B	15		60			3	3	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							61	45	
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
7.2.1. Kiến thức cơ sở							31	25	
66043	Kinh tế vi mô	30	15				3	3	
66063	Kinh tế vĩ mô	30	15				3	3	66043+
70013	Marketing căn bản	30	15				3	3	
68063	Nguyên lý kế toán	30	15				3	3	
67003	Quản trị học	30	15				3	3	
71073	Luật thương mại	30	15				3	3	71012+
66093	Kinh tế lượng	30		30			3	3	08132D+
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 4 TC)									
66072	Kinh tế công cộng	20	10				2	4	
66112	Kinh tế nông nghiệp	20	10				2		
66102	Kinh tế quốc tế	20	10				2		
69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	30					2		
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	20	10				2		08733D+
7.2.2. Kiến thức ngành							56	48	
7.2.2.1. Kiến thức chung							18	18	
67213	Quản trị chiến lược	30	15				3	3	67003+
67123	Quản trị nhân lực	30	15				3	3	67003+
69153	Quản trị tài chính	30	15				3	3	67003+
67233	Quản trị sản xuất	30	15				3	3	67003+
67173	Quản trị chất lượng	30	15				3	3	67003+
67273	Quản trị Marketing	30	15				3	3	70013+ 67003+
7.2.2.2. Kiến thức theo hướng chuyên môn							38	30	
67393	Khởi sự doanh nghiệp	30	15				3	3	67123+ 69153+ 67273+
67343	Thương mại điện tử	20	10	30			3	3	67003+ 70013+
67263	Đạo đức kinh doanh và văn hóa tổ chức	30	15				3	3	
67322	Hệ thống thông tin quản lý	20	10				2	2	67003+
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 12 TC)									
67143	Nghiệp vụ ngoại thương	30	15				3	12	
70053	Quản trị bán hàng	30	15				3		70013+ 67003+
67293	Quản trị dự án	30	15				3		67003+
67243	Quản trị rủi ro	30	15				3		67003+
67333	Quản trị thương hiệu	30	15				3		70013+ 67003+

Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 7 TC)									
67163	Quản trị kinh doanh quốc tế	30	15				3	7	67003+
69193	Quản trị ngân hàng thương mại	30	15				3		67003+
67192	Quản trị hành chính văn phòng	20	10				2		67003+
67042	Tâm lý quản lý trong kinh doanh	20	10				2		
67052	Nghệ thuật lãnh đạo	20	10				2		
7.2.3. Kiến thức bổ trợ							12	8	
68022	Phân tích hoạt động kinh doanh	20	10				2	2	68063+
68122	Kế toán quản trị	20	10				2	2	67003+ 68063+
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 4 TC)									
68002	Thống kê doanh nghiệp	20	10				2	4	68782+
69112	Thị trường chứng khoán	20	10				2		
69042	Thanh toán quốc tế	20	10				2		
67012	Ứng dụng lý thuyết hệ thống	20	10				2		67003+
7.2.4. Khóa luận tốt nghiệp							13	8	
67928	Khóa luận tốt nghiệp					480	8	8	67213+ 67123+ 69153+ 67233+ 67173+ 67273+
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp									
67925	Chuyên đề tốt nghiệp				22 5		5	8	67213+ 67123+ 69153+ 67233+ 67173+ 67273+
	Tích lũy đủ 3 TC trong các học phần thuộc khối kiến thức ngành chưa tích lũy								
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							112	89	
Số tín chỉ tổng cộng: 173 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 134 TC									

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến (Xem Bảng - Sơ đồ đào tạo toàn khoá học)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- *Tổ chức thực hiện chương trình:* Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- *Phương pháp giảng dạy:* Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành, tham quan thực tế, thực tập trong và ngoài tỉnh Tiền Giang. Chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Sinh viên phải tích lũy khối kiến thức Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất để được cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất. Điểm các học phần này không tính vào trung bình chung tích lũy, dùng làm điều kiện xét tốt nghiệp.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định riêng của Trường trước đăng ký xét tốt nghiệp.

Các ký hiệu và từ viết tắt trong nội dung chương trình:

(*): Dấu hiệu phân biệt loại học phần điều kiện, điểm không tính vào tổng số TC

MHP (Mã học phần) : Mã số quy ước theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG, ký ngày 02/8/2007 về việc quy định Danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường ĐHTG.

LT (Lý thuyết) : Giờ giảng lý thuyết, tính theo tiết.

TH1 (Thực hành 1) : Thảo luận, giải bài tập, thực hành ở lớp học lý thuyết, tính theo tiết

TH2 (Thực hành 2) : SV nhìn GV thao tác thực hành ở lớp; phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn, tính theo tiết

TT (Thực tập) : Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường

ĐA (Đồ án) : Thực hiện đồ án, bài tập lớn, tiểu luận, khoá luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ.

TS (Tổng số) : Số TC của học phần, của chương trình

TLTT(Tích lũy tối thiểu) : Số TC SV phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình

HPTQ/HPHT+ (Học phần tiên quyết/ Học phần học trước):

- HPTQ: Học phần X là học phần tiên quyết của học phần Y thì bắt buộc SV phải học và thi kết thúc học phần X đạt từ điểm D trở lên mới được đăng ký học học phần Y
- HPHT+: Học phần X là học phần học trước của học phần Y thì khi đăng ký học phần Y SV phải học qua học phần X (điểm của học phần X có thể chưa đạt)

HIỆU TRƯỞNG

